

Tín dụng Nhà nước là loại tín dụng gắn liền với Nhà nước-một chủ thể trong quan hệ tín dụng. Tín dụng ra đời rất sớm, có thể nói, cùng với sự ra đời của nhà nước cũng đồng thời xuất hiện phạm trù tín dụng nhà nước.

Trong lịch sử kinh tế thế giới, sự xuất hiện của tín dụng nhà nước đã giúp cho nhiều nhà nước thoát khỏi tình trạng thiếu hụt tài chính, tạo nên những bước nhảy quan trọng. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới, tín dụng nhà nước ngày càng thể hiện đậm nét vị trí quan trọng của mình và được nhà nước sử dụng như là một công cụ sắc bén, linh hoạt trong quản lý và điều hành nền kinh tế.

I. Quá trình hình thành và phát triển của tín dụng nhà nước có thể phân chia thành 3 giai đoạn chủ yếu sau:

Giai đoạn 1: Giai đoạn tín dụng nhà nước cổ điển

Xuất hiện trong thời kỳ trước CNTB và ở các nước lạc hậu, kém phát triển với đặc điểm nổi bật: kinh tế hàng hóa chưa phát triển, năng suất lao động xã hội thấp, thu nhập bình quân đầu người thấp, sản phẩm xã hội dư thừa hầu như không có, khiến ngân sách nhà nước bị thiếu hụt nghiêm trọng và triển miên. Tín dụng nhà nước giai đoạn này về cơ bản mang tính chất phi kinh tế và chủ yếu là nhằm bù đắp thiếu hụt ngân sách, đặc biệt là bù đắp các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước ngày càng lâm vào thế bị động, nợ nần chồng chất, ngân sách nhà nước thâm hụt trầm trọng. Các biện pháp huy động của tín dụng nhà nước mang tính cưỡng chế, bắt buộc và nguồn trả thường bằng con đường phát hành tiền (lam phát), chính vì vậy mà nhà nước đi vào vòng luẩn quẩn.

Giai đoạn II: Giai đoạn tín dụng nhà nước quá độ

Xuất hiện trong thời kỳ tiền kinh tế TBCN và ở các nước đang phát triển hiện nay với đặc điểm: nền kinh tế phát triển nhanh, năng suất lao động tăng, nhu cầu vốn rất lớn.

Mục tiêu của tín dụng nhà nước thời kỳ này ngoài một phần bù đắp thiếu hụt ngân sách, chủ yếu là tập trung vốn để tài trợ, đầu tư cho các chương trình kinh tế, chương trình phát triển kỹ thuật, các công trình trọng điểm huyết mạch đối với quốc tế, dân sinh... Phần bù đắp thiếu hụt ngân sách giai đoạn này đã mang ý nghĩa tích cực hơn, chủ yếu không phải dùng để chi tiêu đơn thuần, mà dành đầu tư kinh tế và phát triển kỹ thuật của nhà nước. Các khoản vay chủ yếu đã được hoàn trả bằng số thu được từ chính sự tăng trưởng kinh tế. Đó là thời kỳ Minh Trị Thiên Hoàng ở Nhật Bản, đứng ra vay để xây dựng lại hệ thống đường sắt cho nước Nhật; Chính phủ Ấn Độ đã vay hàng trăm

nhanh chóng nhằm giải quyết những nhiệm vụ quan trọng mà tài chính nhà nước phải đảm bảo. Nó giúp cho ngân sách nhà nước ổn định, cân đối và là đòn bẩy tích cực để nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế. Trong thời kỳ này, nhờ áp dụng những thành tựu khoa học của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, các nước TBCN-các nước có nền kinh tế thị trường phát triển đã tạo ra một năng suất lao động cao vượt bậc. Nền kinh tế không chỉ bó hẹp trong phạm vi một đất nước mà còn vươn xa ra nhiều nước khác trên thế giới, đã hình thành các công ty xuyên quốc gia, các tập đoàn kinh tế, các ngân hàng có chi nhánh ở nhiều nước trên thế

giới cũng như hình thành các tổ chức tài chính-tiền tệ thế giới. Chính phủ các nước kinh tế thị trường phát triển điển hình là Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức... ngoài nhiệm vụ quản lý điều hành nền kinh tế quốc gia, đồng thời đã thực hiện nhiều chương trình can thiệp, thâm nhập, hợp tác về kinh tế và chính trị ở nhiều nước trên thế giới. Tín dụng nhà nước ở các nước này đã phát triển mở rộng, phong phú và đa dạng. Nó không chỉ bó hẹp trong quan hệ vay mượn giữa chính phủ và nhân dân trong nước mà còn phát triển mở rộng ra nước ngoài giữa các chính phủ với nhau với nhiều hình thức và rất đa dạng. Mục đích của tín dụng nhà nước hiện đại không chỉ bó

hẹp trong việc bù đắp thiếu hụt ngân sách, mở rộng đầu tư phát triển kinh tế trong nước mà còn giúp cho chính phủ các nước này mở rộng đầu tư ra nước ngoài, tạo ảnh hưởng về kinh tế cũng như tăng cường sức mạnh về chính trị đối với nhiều nước khác trên thế giới và trong khu vực. Tín dụng nhà nước giai đoạn này hình thành rõ nét bản chất của nó, thể hiện đầy đủ các tính chất kinh tế, chính trị, xã hội không những trong phạm vi quốc gia mà còn mang tính cộng đồng quốc tế.

Tín dụng nhà nước, một hình thức của phạm trù tín dụng cũng bao gồm hai đặc trưng cơ bản: Sự hoàn trả vốn vay và có lợi tức của tín dụng nói chung, ngoài ra nó còn bao gồm

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC VÀ VẬN DỤNG TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THANH DƯƠNG

tỷ USD để thực hiện cuộc cách mạng xanh những năm 1960-1970; chính phủ Trung Quốc cũng vay hàng trăm tỷ USD để thực hiện 4 hiện đại hóa trong những năm 1980... Tín dụng nhà nước giai đoạn này đã bắt đầu thể hiện rõ nét bản chất kinh tế của mình.

Giai đoạn III: Tín dụng nhà nước hiện đại

Xuất hiện trong thời kỳ TBCN và ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển. Trong giai đoạn này, tín dụng nhà nước là một nhân tố cực kỳ quan trọng của hệ thống thị trường tiền tệ, thị trường vốn, nó được hoạt động với một cơ chế ổn định, uyển chuyển, cho phép nhà nước có thể tập trung vốn một cách

những đặc trưng riêng của mình đó là tính cưỡng chế, tính chính trị và tính xã hội. Những đặc trưng riêng có này xuất phát từ quyền lực chính trị của nhà nước, từ chức năng nhiệm vụ của nhà nước trong quản lý kinh tế-xã hội và cũng chính vì lẽ đó, các mối quan hệ về kinh tế, chính trị, xã hội giữa nhà nước và các chủ thể khác được thể hiện khá hài hòa trong hoạt động của tín dụng nhà nước.

Tín dụng nhà nước là một lĩnh vực thuộc tài chính tiền tệ, gắn liền với hoạt động của ngân sách nhà nước, nó phản ánh mối quan hệ tín dụng trong đó nhà nước vừa là người đi vay để đảm bảo cho các khoản chi tiêu của ngân sách nhà nước vừa là người cho vay để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý kinh tế-xã hội và phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại.

II. Hiện nay ở Việt Nam, toàn bộ nguồn vốn huy động được dưới hình thức tín dụng nhà nước đều được đưa vào dự toán thu, chi ngân sách. Ngoài việc bổ sung vào nguồn thu của ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng nhà nước đầu tư cho các công trình kinh tế trọng điểm, các công trình có khả năng thu hồi vốn nhanh.

Trong sự nghiệp đổi mới, sự ra đời của hệ thống kho bạc nhà nước đã tạo ra một cơ chế vận hành tín dụng nhà nước mới trong hệ thống tài chính nhà nước; tín dụng nhà nước đã hình thành một cách rõ nét hơn, vai trò của nó được phát huy thêm trong nhiều lĩnh vực; trong đối mối quản lý điều hành ngân sách nhà nước; trong chu trình tái sản xuất xã hội; trong quản lý vĩ mô điều hòa nền tài chính-tiền tệ; trong quản lý thực hiện các chính sách xã hội; trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại...

1. Tổ chức thực hiện tín dụng nhà nước qua kho bạc nhà nước ở Việt Nam

a. Huy động các nguồn vốn nhân rồi trong và ngoài nước bằng phát hành trái phiếu chính phủ:

Các hình thức trái phiếu chính phủ như: tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, trái phiếu công trình, trái phiếu địa phương đều có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ tài chính và điều hành ngân sách nhà nước, do vậy Bộ Tài chính (kho bạc nhà nước) phải có trách nhiệm:

- Thống nhất quản lý in, phát hành các loại trái phiếu.

- Tập trung thu và quản lý các khoản thu cho ngân sách nhà nước các cấp.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi.

- Tổ chức hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh.

Đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu địa phương do kho bạc nhà nước trực tiếp phát hành thông qua các đại

lý của kho bạc nhà nước, hoặc phát hành theo phương thức đấu thầu thông qua hoạt động của hệ thống ngân hàng.

b. Cho vay tài trợ bằng hình thức tín dụng ưu đãi:

Đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư tài trợ cho các dự án theo các mục tiêu kinh tế xã hội của Chính phủ là một nhiệm vụ kinh tế, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi hàng năm của ngân sách nhà nước-quản lý và cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cho vay tài trợ đối với công trình, các dự án đã được phê duyệt là nhiệm vụ của ngành tài chính kho bạc nhà nước đã được nhà nước và Bộ tài chính giao nhiệm vụ quản lý và cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho một số công trình đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (trong đó có nhiều công trình lớn và trọng điểm như đường dây tải điện Bắc Nam 500KV, thủy điện Hòa Bình, Vĩnh Sơn, Thác Mơ, Yaly...) và quản lý, cấp phát, cho vay nguồn vốn tài trợ của nhà nước cho dự án giải quyết việc làm theo Nghị quyết 120/HĐBT; các dự án phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo quyết định 327-CT. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm:

- Nghiên cứu trình Bộ tài chính, trình chính phủ các vấn đề chủ trương, biện pháp chính sách tín dụng tài trợ. Nghiên cứu xây dựng thể lệ, qui chế cho vay tài trợ qua kho bạc nhà nước.

- Thường xuyên phân tích đánh giá tình hình kết quả cho vay tài trợ, tham gia chương trình kế hoạch phân bổ chỉ tiêu cho vay cho các địa phương, các ngành.

- Tham gia thẩm tra, xét duyệt các dự án đầu tư để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiếp nhận nguồn vốn của ngân sách nhà nước, các nguồn việc trợ, huy động vốn khác, phân phối, điều chuyển vốn cho các đơn vị kho bạc nhà nước để cho vay.

- Tổ chức thẩm định dự án trước khi cho vay, cấp phát tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, kiểm tra, kiểm soát trong quá trình cho vay, tính toán theo dõi vốn cho nhà nước, trực tiếp và tham gia xử lý các vấn đề trong quá trình cho vay, thu hồi nợ.

2. Những thành quả đáng chú ý của tín dụng nhà nước trong giai đoạn đổi mới quản lý kinh tế vừa qua

a. Về mặt kinh tế tài chính

Việc phát hành tín phiếu ngân hàng đã thu hút được một số lượng lớn tiền nhân rồi trong nhân dân để giải quyết bù đắp kịp thời các khoản thiếu hụt của ngân sách, góp phần kiềm chế lạm phát, kiểm chế tốc độ tăng giá của thị trường xã hội (đặc biệt các đợt huy động tín phiếu kho bạc năm

1991). Bằng việc phát hành tín phiếu đường dây 500KV đã huy động được một số vốn khá lớn bổ sung vốn cho công trình có tầm chiến lược quan trọng nhằm hoàn thiện hệ thống tải điện và sử dụng có hiệu quả nhất sản lượng điện hiện có của nước ta, phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao mức sống của nhân dân. Bằng việc cho vay tài trợ giải quyết việc làm, đã giúp nhiều cơ sở sản xuất, doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện đầu tư mở rộng sản xuất, thu hút nhiều lao động, đồng thời tác động khơi dậy các tiềm năng kinh tế địa phương, phát huy và làm sống lại nhiều ngành nghề truyền thống, từng bước nâng cao đời sống của người lao động, đem lại hiệu quả tích cực về mặt kinh tế-xã hội.

b. Về mặt chính trị xã hội

Trong thời kỳ kháng chiến, trước những khó khăn chung của đất nước, việc vay dân bằng công trái là một hình thức kêu gọi lòng yêu nước thiết thực ở mọi người. Do vậy, tín dụng nhà nước thời kỳ này có một ý nghĩa chính trị rất quan trọng, trong một chừng mực nào đó nó đã góp phần tập hợp toàn dân trong khối đại đoàn kết dân tộc. Việc huy động tín phiếu đường dây 500KV vừa qua mặc dù không hấp dẫn về mặt lợi ích kinh tế nhưng nhà nước làm tốt công tác vận động chính trị nên đa số nhân dân các vùng có đường dây đi qua đã tích cực và tự giác hưởng ứng mua, điều đó cũng thể hiện lòng tin của nhân dân đối với chính phủ trong sự nghiệp đổi mới kinh tế hiện nay. Công tác tài trợ cho vay giải quyết việc làm thời gian vừa qua đã mang lại nhiều thành quả về mặt chính trị, xã hội và kinh tế, thể hiện trách nhiệm của chính phủ trong nhiệm vụ thực thi mục tiêu công bằng xã hội-một mục tiêu quan trọng của nhà nước trong vai trò điều tiết vĩ mô.

c. Về mặt quan hệ đối ngoại

Trong thời kỳ chiến tranh, thông qua phương thức vay mượn giữa hai chính phủ, chúng ta đã tranh thủ được sự giúp đỡ lớn lao của các nước XHCN, góp phần đem lại thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng đất nước. Sau ngày thống nhất tổ quốc, sự trợ giúp này đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế đất nước. Những năm gần đây, trước những chuyển biến lớn lao cả về kinh tế, chính trị trên thế giới, nhờ kịp thời thay đổi chiến lược đối ngoại cũng như đổi mới kinh tế trong nước, chúng ta đã tranh thủ được sự tài trợ của nhiều nước và nhiều tổ chức tài chính-tiền tệ thế giới, góp phần đem lại những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp đổi mới của chúng ta.